TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 8 - 2025
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên toà công khai xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 123/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2025, về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 25/01/1992; Chứng minh nhân dân số: 194500530 cấp ngày 16/6/2009; Hộ chiếu số: K0363829; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình). Hiện cư trú tại: Số nhà A, tòa nhà W, đường W, thành phố B, Vương Quốc A1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc V, sinh ngày 17/7/1988; Chứng minh nhân dân số: 194348395 cấp ngày 03/11/2004; Hộ chiếu số: C0277888; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình); Hiện cư trú tại: Số nhà A, tòa nhà W, đường W, thành phố B, Vương Quốc A1. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm 1969 (là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Minh A), CCCD: 044169002355; Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt;

Thân nhân của anh Trần Ngọc V: Ông Trần B, sinh năm 1952 (là bố đẻ của anh V), căn cước công dân số: 044082001281; địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 09/03/2025 và bản tự khai, nguyên đơn chi Nguyễn Thị Minh A trình bày:

Chị Nguyễn Thị Minh A và anh Trần Ngọc V yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 29 tháng 4 năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với gia đình bố mẹ đẻ của chị A, đến năm 2010 vợ chồng bàn bạc làm thủ tục cho anh V đi xuất khẩu lao động tại V, thời gian đầu anh V ở bên nước ngoài, anh vẫn thường xuyên gọi điện thoại về thăm hỏi động viên vợ con, đến năm 2014 anh V về Việt Nam vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Đến năm 2019 anh V đi sang lại Vương Quốc A1 làm ăn từ đó cho đến nay, anh V không hề quan tâm đến chị, không hề liên lạc về cho chị nữa, không lo lắng cho cuộc sống gia đình. Tuy hai bên gia đình nội ngoại khuyên bảo nhưng vẫn không có kết quả gì. Đến năm 2023 chị làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại V, tuy hai người ở cùng một nước nhưng vẫn sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, mục đích hôn nhân không đạt được không quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị xin được ly hôn anh Trần Ngọc V.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Nữ Bảo C, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010 và Trần Nữ Bảo H1, sinh ngày 14/12/2014. Hiện hai con đang ở với mẹ đẻ của chị là bà Trần Thị Hồng địa C1 tại thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị. Nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi hai con chung, vì các con đã ở với mẹ và bà ngoại từ nhỏ cho đến nay, việc sinh hoạt và học hành của con đã ổn định và anh V hiện đang ở nước ngoài không thể chăm sóc con được. Trước mắt chị chưa về nước được nên tạm giao cho mẹ đẻ của chị là bà Trần Thị H chăm sóc nuôi dưỡng, khi nào chị về Việt Nam thì mẹ chị sẽ giao con lại cho chị nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con, mong Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Minh A có đơn yêu cầu giám định dấu vân tay đề ngày 09/03/2025, ngày 23/5/2025 Tòa án đã có Quyết định trưng cầu giám định số 1222/2025/QĐ-TCGĐ gửi Phòng K Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) để giám định dấu vân tay của chị Nguyễn Thị Minh A tại Đơn khởi kiện xin ly hôn với các mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không. Kết luận giám định số 782/KL-KTHS ngày 09/6/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q (tỉnh Quảng Trị), kết luận:

- Dấu in đường vân phía bên trái trên mẫu cần giám định ký hiệu A (đơn khởi kiện do chị A viết điểm chỉ) so với dấu vân tay in ở ô "NGÓN TRỎ TRÁI" trên mẫu so sánh ký hiệu M1 (giấy chứng minh nhân dân của chị A) và dấu in đường vân phía

bên trái trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4 là ***dấu vân tay của cùng một người.***

* Tại bản tự khai ngày 15/7/2025 bà Trần Thị H (là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Minh A), trình bày:

Con gái bà là Nguyễn Thị Minh A hiện đang cư trú tại Số nhà A, tòa nhà W, đường W, thành phố B, Vương Quốc A1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn với anh Trần Ngọc V. Hai con A, V kết hôn và quá trình chung sống, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn đúng như Anh đã trình bày. Khi các con xảy ra mâu thuẫn gia đình bà cũng đã khuyên bảo nhưng không có kết quả, nay các con muốn ly hôn thì tùy các con tự quyết định. Anh và V có hai con chung là Trần Nữ Bảo C, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010 và Trần Nữ Bảo H1, sinh ngày 14/12/2014. Các cháu hiện đang ở với bà tại thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị, nguyện vọng của Minh A xin được trực tiếp nuôi các cháu, vì các cháu đã ở với mẹ và bà từ nhỏ cho đến nay, việc sinh hoạt và học hành của các cháu đã ổn định. Hiện nay chị A đang ở nước ngoài, chưa về nước được, nên tạm giao cho bà chăm sóc nuôi dưỡng các cháu, khi nào chị A về nước bà sẽ giao các cháu lại cho chị A nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con, vì vậy mong Tòa án xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung của hai con không có.

* Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2025 ông Trần B (là bố đẻ của anh Trần Ngọc V) trình bày: Anh Trần Ngọc V là con trai của ông, hiện đang cư trú tại số nhà A, tòa nhà W, đường W, thành phố B, Vương Quốc A1. Về tình cảm của hai con, việc ly hôn của hai con thì hai con tự quyết định, gia đình không có ý kiến gì. V, Anh có hai con chung là Trần Nữ Bảo C sinh ngày 23/11/2010 và Trần Nữ Bảo H1 sinh ngày 14/12/2014. Hiện các cháu đang ở với ông bà ngoại. Gia đình ông có gọi điện thoại cho V, V nhất trí giao cháu C và cháu H1 cho chị Nguyễn Thị Minh A nuôi dưỡng, về cấp dưỡng tiền nuôi con chị A không yêu cầu V cũng nhất trí. Về tài sản chung và nợ chung của hai con không có. Sau khi chị A làm đơn khởi kiện Tòa án có gửi Thông báo thụ lý vụ án cho gia đình ông, gia đình ông đã gọi điện thoại và thông báo cho V biết, V vẫn thường xuyên gọi điện thoại, liên lạc về cho gia đình, V đã đồng ý ly hôn và nhất trí về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung như nguyện vọng của chị A đã trình bày và ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai đề ngày 09/03/2025 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh A đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giải quyết sớm, vì do hiện nay chị đang ở tại V nên không thể đến tham gia phiên tòa được, chị Nguyễn Thị Minh A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh A, xử cho chị Nguyễn Thị Minh A được ly hôn Trần Ngọc V; Về con chung: Giao hai cháu là Trần Nữ Bảo C, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010 và Trần Nữ Bảo H1, sinh ngày 14/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Minh A nuôi dưỡng. Tạm thời trước mắt chị A đang ở nước ngoài nên tạm giao cho bà Trần Thị H (mẹ đẻ chị A) chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Toà án không xem xét; Về án phí, lệ phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại Công văn số 1482/CV-PA08 ngày 02/06/2025 của Phòng Q Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) cung cấp thông tin chị Nguyễn Thị Minh A đã sử dụng hộ chiếu số K0363829 xuất cảnh rời Việt Nam ngày 12/4/2023 qua SBQT Nội Bài, hiện chưa có thông tin về Việt Nam; anh Trần Ngọc V đã được cấp hộ chiếu số C0277888 và đã sử dụng để xuất cảnh rời Việt Nam ngày 19/9/2017 qua sân bay Quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh A và bị đơn anh Trần Ngọc V hiện đang cư trú tại nước ngoài (V). Theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị (Quảng Bình cũ). Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không nhận được sự phản hồi nào của anh Trần Ngọc V và thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho người thân của bị đơn là ông Trần B (là bố đẻ của anh Trần Ngọc V) để người thân thông báo cho anh V biết nội dung liên quan đến việc chị Nguyễn Thị Minh A xin ly hôn anh Trần Ngọc V theo đúng quy định tại Điều 474 BLTTDS.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần 2 nên căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Minh A và anh Trần Ngọc V kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là UBND xã B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 29 tháng 4 năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng ở mỗi người mỗi nơi, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị A khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không quan tâm đến nhau nữa, mâu

thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị xin được ly hôn anh Trần Ngọc V. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Minh A và anh Trần Ngọc V không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh A để xử cho chị Nguyễn Thị Minh A được ly hôn anh Trần Ngọc V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Trần Nữ Bảo C, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010 và Trần Nữ Bảo H1, sinh ngày 14/12/2014. Hiện các cháu đang ở với bà ngoại (bà Trần Thị Hồng M đẻ của chị A), nguyện vọng của chị A xin được trực tiếp nuôi các con. Hiện chị A đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con được nên bà Trần Thị H (mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Minh A) cũng nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và cháu H1 cho đến khi chị A trở về Việt Nam bà H sẽ giao cháu C và cháu H1 cho chị A nuôi dưỡng. Cháu C và cháu H1 cũng có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ, hiện nay các cháu đang sống cùng bà ngoại, việc sinh hoạt và học hành của các cháu đã ổn định. Để đảm bảo việc học hành và cuộc sống của các con chung không bị xáo trộn, do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị A để giao hai con chung cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng, trước mắt tạm giao cho bà Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và cháu H1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] *Về quan hệ tài sản chung:* Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí, lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài*: Chị Nguyễn Thị Minh A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 9.180.000 đồng lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài, đăng thông tin trên VOV5 và chi phí giám định theo quy định của khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 153, Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 469, 474, 475, điểm b, c khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Minh A được ly hôn anh Trần Ngọc V.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu là Trần Nữ Bảo C, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2010 và cháu Trần Nữ Bảo H1, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Minh A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện chị A đang ở nước ngoài nên tạm giao các cháu Trần Nữ Bảo H1 và cháu Trần Nữ Bảo C cho bà Trần Thị H (mẹ đẻ chị A) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị A về Việt Nam.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu nên không xem xét.

3. *Về quan hệ tài sản chung:* Không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí*: Chị Nguyễn Thị Minh A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số 0005409 ngày 15/5/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (cũ), nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Chị Nguyễn Thị Minh A phải chịu 9.180.000 đồng tiền lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài, đăng thông tin trên kênh phát thanh của Ban Đối ngoại - Đ (VOV5) và chi phí giám định dấu vân tay của chị Nguyễn Thị Minh A (chị A đã nộp đủ tại Toà án).

5. *Quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Minh A và anh Trần Ngọc V có quyền kháng cáo trong hạn trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Bắc Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thái Sơn